TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **316**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 20 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 189/2025/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **NTT**, sinh ngày 05/02/1983; CCCD số: 027***978; ngày cấp: 26/3/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ 2 phường L, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh **NVT**, sinh ngày 05/02/1973; CCCD số: 001***868; ngày cấp: 09/8/2017; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ 2 phường L, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTT, sinh năm 1983 và anh NVT, sinh năm 1973.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTT và anh NVT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Tuyền và anh Thành cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu NTĐ, sinh ngày 22/10/2001 và cháu NBL, sinh ngày 13/10/2008.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu NBL cho chị T là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của anh TH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 11/2025 đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cháu Đ đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần, chị T và anh TH không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị T và anh TH không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0008796 ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H – Phòng thi hành án KV5;
- UBND phường L, tp H (GCNKH số 08/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc